**MỘT SỐ CĂN DẶN VỚI HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH**

**\* ĐỐI VỚI HỌC SINH**

1/ Phần **nội dung bài học các em chép vào tập** ghi trên lớp còn phần **bài tập củng cố hoặc bài tập bổ sung các em làm vào vở bài tập hoặc tập học buổi chiều.**

2/ Khi học bài các em cần **xem và đọc nội dung bài học, câu hỏi trong SGK**.

3/ Hàng ngày, các em đều **phải học ít nhất là 1 bài mới và làm bài tập** đầy đủ. Nếu có thắc mắc, không hiểu bài các em có **thể liên hệ với giáo viên bộ môn, GVCN** để nhờ giải đáp.

4/ Đề cương các em **phải bảo quản cẩn thận** để khi đi học lại sử dụng ôn thi cuối năm.

**\* ĐỐI VỚI PHỤ HUYNH**

1/ Phụ huynh cấn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, GVCN, GVBM để báo cáo tình hình học tập và làm bài của các em.

2/ Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở các em học bài, làm bài tập và chép bài đầy đủ.

3/ Mọi thắc mắc về bài học phụ huynh liên hệ ngay với GVBM hoặc GVCN để được hỗ trợ.

**MÔN CÔNG NGHỆ**

***Bài 29:* BẢO VỆ VÀ KHOANH NUÔI RỪNG**

1. **Ý nghĩa** :

- Việc bảo vệ rừng và khoanh nuôi rừng có ý nghĩa sinh tồn đối với đời sống và sản xuất .

**II.** **Bảo vệ rừng** :

 ***1. Mục đích :***

- Giữ gìn tài nguyên thực vật, động vật, đất rừng hiện có .

- Tạo điều kiện thuận lợi để rừng phát triển, cho sản phẩm cao và tốt nhất .

 ***2. Biện pháp :***

- Ngăn chặn và cấm phá hoại tài nguyên rừng, đất rừng. Kinh doanh rừng, đất rừng phải được Nhà nước cho phép.

**III.** **Khoanh nuôi phục hồi rừng:**

 ***1. Mục đích :***

- Tạo hoàn cảnh thuận lợi để những nơi đã mất rừng phục hồi và phát triển thành rừng có sản lượng cao .

 ***2. Đối tượng khoanh nuôi :***

- Đất đã mất rừng và nương rẫy bỏ hoang còn tính chất đất rừng.

- Đồng cỏ, cây bụi xen cây gỗ, tầng đất mặt dày .

 ***3. Biện pháp :***

- Thông qua các biện pháp bảo vệ, chăm sóc, gieo trồng bổ sung để thúc đẩy tái sinh rừng tự nhiên, phục hồi rừng có giá trị .

***Chương 1:*** Đại cương về kĩ thuậtchăn nuôi

**Bài 30: Vai trò và nhiệm vụ phát triển chăn nuôi**

**I. Vai trò của chăn nuôi :**

 ***Chăn nuôi cung cấp nhiều sản phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu .***

* + ***-Cung cấp thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao : thịt, trứng, sữa …***
	+ ***-Cung cấp sức kéo : trâu, bò, ngựa…***
	+ ***-Cung cấp phân bón cho trồng trọt ( phải ủ trước khi bón ).***

***-Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp nhẹ (lông, da, sừng, xương, thịt, trứng, sữa …***

**II. Nhiệm vụ của ngành chăn nuôi ở nước ta :**

 *- Phát triển chăn nuôi toàn diện:*

 *+ Đa dạng về loại vật nuôi.*

 *+ Đa dạng về quy mô chăn nuôi: Nhà nước, nông hộ, trang trại.*

 *- Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất (giống, thức ăn, chăm sóc, thú y)*

 *- Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và quản lí (về cơ sở vật chất, năng lực cán bộ …)*

**🢥**Mục tiêu: *Tăng nhanh về khối lượng và chất lượng sản phẩm chăn nuôi (sạch, nhiều nạc …) cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.*

**BÀI 31 : GIỐNG VẬT NUÔI**

**I. Khái niệm về giống vật nuôi :**

 **1. Thế nào là giống vật nuôi :**

 **Giống vật nuôi là những con vật có cùng nguồn gốc, có những đặc điểm chung, có tính di truyền ổn định và đạt đến một số luợng cá thể nhất định.**

 **2. Phân loại giống vật nuôi :**

**- Theo địa lí .**

**- Theo hình thái, ngoại hình.**

**- Theo mức độ hoàn thiện của giống .**

**- Theo hướng sản xuất .**

**II. Vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi :**

* **Giống vật nuôi có ảnh hưởng quyết định đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi .**

**Muốn chăn nuôi có hiệu quả phải chọn giống vật nuôi phù hợp.**

***Bài 37:***

 THỨC ĂN VẬT NUÔI

I. Nguồn gốc thức ăn vật nuôi :

 ***1. Thức ăn vật nuôi:***

 ***Vật nuôi chỉ ăn được những loại thức ăn nào phù hợp với đặc điểm sinh lí tiêu hóa của chúng.***

***2. Nguồn gốc thức ăn vật nuôi:***

 ***Thức ăn vật nuôi có nguồn gốc từ động vật, thực vật và chất khoáng.***

***Ví dụ:***

 ***- Thực vật: rau, cỏ, củ, quả, hạt, phụ phẩm: cám, khô dầu, dây lá, rơm,…***

 ***- Động vật: bột thịt, bột xương, bột cá, xác mắm …***

 ***- Chất khoáng: muối ăn, bột vỏ sò, vôi bột …***

**II.** **Thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi :**

 ***Thức ăn có nước và chất khô. Phần chất khô của thức ăn có: protêin, gluxit, lipit, vitamin và chất khoáng. Tuỳ loại thức ăn mà thành phần và tỉ lệ các chất dinh dưỡng khác nhau .***

***BÀI 38*** :

VAI TRÒ CỦA THỨC ĂN ĐỐI VỚI VẬT NUÔI

**I. Thức ăn được tiêu hóa và hấp thụ như thế nào :**

|  |  |
| --- | --- |
| Thành phần dinh dưỡng của thức ăn | Chất dinh dưỡng sau khi tiêu hóa |
| Nước ProtêinLipitGluxitMuối khoángVitamin  | Nước Axit aminGlyxerin và axit béo Đường đơnIon khoáng Vitamin  |
|  |  |

**II. Vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi :**

 ***- Thức ăn cung cấp năng lượng cho vật nuôi hoạt động và phát triển.***

 ***- Thức ăn cung cấp chất dinh dưỡng cho vật nuôi lớn lên, sinh sản và tạo ra các sản phẩm chăn nuôi: thịt, trứng, sữa …***

***Chương 2:***

 **Quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi**

***Bài 44:*** CHUỒNG NUÔI VÀ VỆ SINHTRONG CHĂN NUÔI

**I. Chuồng nuôi:**

 ***1. Tầm quan trọng của chuồng nuôi:***

 - Giúp vật nuôi tránh được những thay đổi của thời tiết, đồng thời tạo ra 1 tiểu khí hậu thích hợp cho vật nuôi.

 - Giúp vật nuôi hạn chế tiếp xúc với mầm bệnh.

 - Giúp thực hiện quy trình chăn nuôi khoa học.

 - Giúp quản lí tốt đàn vật nuôi, thu được chất thải làm phân bón và tránh ô nhiễm môi trường.

 - Góp phần nâng cao năng xuất chăn nuôi.

 ***2. Tiêu chuẩn chuồng nuôi hợp vệ sinh:***

- Nhiệt độ thích hợp.

- Độ ẩm trong chuồng 60 🡪 75%

- Độ thông thoáng tốt.

- Độ chiếu sáng thích hợp với từng loại vật nuôi.

- Không khí ít khí độc.

***Bài 45:***

NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC CÁC LOẠI VẬT NUÔI

**I. Chăn nuôi vật nuôi non:**

 ***1. Một số đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non:***

 - Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh.

 - Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.

 - Chức năng miễn dịch chưa tốt.

 ***2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non:***

 - Nuôi vật nuôi mẹ tốt.

 - Giữ ấm cho cơ thể.

 - Cho bú sữa đầu.

 - Tập cho vật nuôi non ăn sớm.

 - Cho vật nuôi vận động và tiếp xúc nhiều với ánh sáng.

 - Giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi non.

**III. Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản:**

 **(Sơ đồ 13 sgk.120)**

Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản tốt phải chú ý cả nuôi dưỡng, chăm sóc, nhất là vệ sinh, vận động và tắm, chải.

Bài 46***:***

 PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI

**I. Khái niệm về bệnh :**

 Vật nuôi bị bệnh khi có sự rối loạn chức năng sinh lí trong cơ thể do tác động của các yếu tố ngoại cảnh.

1. **Nguyên nhân sinh ra bệnh** :

|  |  |
| --- | --- |
| Bệnh truyền nhiễm  | Bệnh thông thường  |
|  Do VSV gây ra. Lây lan nhanh thành dịch . Gây tổn thất lớn: làm chết nhiều VN  |  Không phải do VSV gây ra. Không lây lan nhanh thành dịch . Không làm chết nhiều vật nuôi. |

**II. Phòng trị bệnh cho vật nuôi :**

-Chăm sóc chu đáo cho từng loại vật nuôi .

-Tiêm phòng đầy đủ các loại vacxin .

-Cho vật nuôi ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng .

-Vệ sinh môi trường sạch sẽ .

-Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám và điều trị kịp thời.

Bài 47

 VẮC XIN PHÒNG BỆNH CHO VẬT NUÔI

**I. Tác dụng của vắc xin:**

 ***1. Vắc xin là gì?***

Vắc xin là chế phẩm sinh học, được chế từ chính mầm bệnh gây ra bệnh mà ta muốn phòng.

 (Hình 73 sgk.123)

 Vd: vắc xin dịch tả lợn.

 ***2. Tác dụng của vắc xin:***

***Cơ thể vật nuôi chưa nhiễm bệnh***

Tiêm vắc xin

***Cơ thể vật nuôi sinh kháng thể***

***Cơ thể vật nuôi có khả năng miễn dịch***

**II. Một số điều cần lưu ý khi sử dụng vắc xin:**

1. ***Bảo quản:***

 Phải giữ vắc xin theo chỉ dẫn trên nhãn thuốc.

1. ***Sử dụng:***

 - Vắc xin dùng phòng bệnh cho vật nuôi khỏe.

 - Khi sử dụng phải tuân theo chỉ dẫn trên nhãn thuốc.

 - Vắc xin đã pha phải sử dụng ngay. Vắc xin còn thừa phải xử lí đúng qui định.

 - Sau khi tiêm 2 \_ 3 giờ phải theo dõi sức khỏe vật nuôi. Nếu vật nuôi có dị ứng phải báo ngay cho cán bộ thú y để giải quyết kịp thời.

 - Sau khi tiêm vắc xin 2 \_ 3 tuần sẽ tạo được miễn dịch.

**DẶN DÒ:**

* Học sinh chép bài vào tập học.
* Trả lời câu hỏi SGK ở cuối bài học.
* Học sinh nộp lai bài sau khi làm xong.